Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm **Thành phố Hà Nội**	**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2023/LH-ST
Ngày: 13, 24/3/2023
Về việc: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Lệ Hằng**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Phương Mai
  2. Ông Phạm Hồng Quyết
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Phan Đức Minh - Thư ký Toà án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:
  Bà Nguyễn Huyễn Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13,24 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 321/2022/LHST ngày 04 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXX- ST ngày 22 tháng 2 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐHPT-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc: Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thanh T**, sinh năm 1992;

Trú tại: số 161 đường Đ, phường C, quận H, thành phố Hà Nội

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1989;

Trú tại: số 1 phố T, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 3/10/2022 và tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thanh T trình bày như sau: Chị và anh Nguyễn Thành Đ kết hôn tự nguyện, và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ngày 04/11/2020.

Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng bố mẹ chồng tại số 1 Tràng Tiền, phường T, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chỉ hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không có việc làm, không có khả năng nuôi bản thân và không có trách nhiệm với gia đình. Cụ thể, trong thời gian chị mang bầu, anh Đ đã có những hành động vũ phu, bạo hành khiến chị bị động thai. Sau nhiều lần hòa giải, chị đã cho anh Đ cơ hội để sửa chữa nhưng đến ngày 10/1/2021 anh Đ đã đánh chị bất tỉnh nên chị về nhà bố mẹ đẻ và bế con theo. Từ đó đến nay, anh Đ cũng như toàn bộ gia đình anh Đ không qua lại, hỏi thăm cũng như không có trách nhiệm gì với con gái chị.

Cho đến nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không còn sống cùng nhau để vun đắp cho hạnh phúc gia đình và chăm lo con cái. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị T trình bày trong quá trình hôn nhân vợ chồng chị có một con chung là: Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/09/2020. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng đến khi con thành niên

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị T trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày hiện nay vợ chồng chị không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 22/2/2023 tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày như sau: anh Đ công nhận lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Quá trình chung sống đã xảy ra xích mích, hiểu lầm giữa vợ chồng nên chị T đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 1/2021 đến nay. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T nhưng gần 2 năm nay anh cũng chưa có cách gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh Nguyễn Thành Đ trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo Vy, sinh ngày 14/09/2020. Hiện cháu V đang ở với mẹ, do không đồng ý ly hôn nên anh không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): anh Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: anh Đ trình bày vợ chồng hiện nay không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - chị Phạm Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ. Về con chung chị T giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu

anh Đ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên. Về tài sản chung cũng như nợ chung chị T đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Thành Đ vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho Đ và xét xử vắng mặt Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, xác minh và thu thập chứng cứ đúng quy định.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao cháu Nguyễn Thảo V Acho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Thành Đ có hộ khẩu thường trú tại số 1 phố Tràng Tiền, phường T, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Đây là tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh Đ đã có bản tự khai, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của chị T và anh Đ, đã tiến hành hòa giải. Tuy anh Đ không đồng ý ly hôn chị T nhưng vợ chồng ly thân đã gần 2 năm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau và bản thân anh Đ thừa nhận anh không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ với chị T nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thanh T và anh Nguyễn Thành Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội (giấy chứng nhận kết hôn số 36/2020, ngày 4/11/2020). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn khi mới kết hôn sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không quan tâm tới gia đình, không có việc làm và có hành vi bạo hành đối với chị T nên chị T đã đưa con về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 1/2021 cho đến nay. Anh Đ trình bày anh vẫn còn tình cảm với chị T, tuy nhiên suốt thời gian dài từ tháng 1/2021 cho đến nay anh không có bất cứ biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc đã không đạt được. Vậy nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị T được ly hôn anh Đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xác nhận chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/9/2020. Do cháu V còn nhỏ và từ khi sinh ra cho tới nay cháu V luôn ở cùng với chị T nên cần tránh mọi xáo trộn để ổn định tâm lý cho trẻ nhỏ là điều cần thiết. Vậy nên giao cháu Nguyễn Thảo V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ. Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng là có căn cứ và phù hợp với thu nhập của anh Đ.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị T và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị T và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn Đ;

2. Về con chung: chị T và anh Đ có một con chung là: Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/9/2020. Sau ly hôn giao cháu Nguyễn Thảo V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Thành Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị T và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí: Chị Phạm Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0051876 ngày 4/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thanh T và anh Nguyễn Thành Đ đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường Cầu Diễn;
- UBND phường Tràng Tiền;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Lệ Hằng